

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Bích Hà

2. Ông Cao Duy Hiền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 778/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Hẻm 250 đường C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn Cu Đ

Địa chỉ: Hẻm 250 đường C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N với anh Hà Văn Cu Đ đã sống chung với nhau và đăng ký kết hôn từ ngày 07/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống với nhau, anh Hà Văn Cu Đ thường xuyên uống rượu không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp với nhau về tính cách và cuộc sống. Hiện nay chị cảm thấy không thể chung sống với nhau được

nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Cu Đ.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Đ có 02 con chung tên là Hà Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2006 và Hà Thị Mỹ D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009. Ly hôn, nguyện vọng của chị là muốn được nuôi cả hai đứa con. Chị không yêu cầu anh Hà Văn Cu Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Ninh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu, chứng cứ chị Nguyễn Thị N đã cung cấp cho Tòa án: 01 Sổ hộ khẩu (Bản phô tô chứng thực); 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị N (Bản phô tô chứng thực); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính + Bản phô tô chứng thực); 01 Giấy khai sinh cháu Hà Thị Trà M (Bản sao); 01 Giấy khai sinh cháu Hà Thị Mỹ D (Bản sao).

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Hà Văn Cu Đ trình bày:

Anh Hà Văn Cu Đ thống nhất như lời trình bày của chị N về hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung. Trong quá trình chung sống với nhau, anh Đ thừa nhận hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và có đánh chị N nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Hiện nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng anh cảm thấy còn tình cảm yêu thương với vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Đ và chị N có 02 con chung là Hà Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2006 và Hà Thị Mỹ D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009. Nếu chị N nhất quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh là muốn được nuôi con, để cho con được ăn học.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, thông báo, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Hà Văn Cu Đ.

Về con chung: Giao con chung là Hà Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2006 và Hà Thị Mỹ D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án

phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Văn Cu Đ, tranh chấp về nuôi con chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là anh Hà Văn Cu Đ có nơi cư trú tại Hẻm 250 đường Cách mạng tháng Tám, phường Hoa Lư, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn Cu Đ có đăng ký kết hôn từ ngày 07/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Nguyễn Thị N khai thì trong quá trình chung sống với nhau, anh Hà Văn Cu Đ thường xuyên uống rượu không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ, con dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp với nhau về tính cách và cuộc sống. Hiện nay chị cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn Cu Đ.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị N và anh Cu Đ là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ nên hòa giải đoàn tụ không thành. Đến nay chị N khẳng định không còn tình cảm yêu thương anh Cu Đ nữa nên chị vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hà Văn Cu Đ.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại Công an phường Hoa Lư, nơi cư trú của hai vợ chồng chị Ninh và anh Hà Văn Cu Đ về tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2019, ông Nguyễn Văn Thuận-Cán bộ Công an phường Hoa Lư, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã cung cấp thông tin như sau: *“Vào ngày 11/01/2019, anh Hà Văn Cu Đ có hành vi dùng tay đánh vợ là chị Nguyễn Thị N sinh năm 1986 trú tại tổ 9, phường Hoa Lư, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Công an phường Hoa Lư đã lập biên bản vi phạm hành chính số 0000555 và lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Hà Văn Cu Đ”.*

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Ninh và anh Hà Văn Cu Đ có 02 con chung tên là Hà Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2006 và Hà Thị Mỹ D, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2009. Nguyên vọng của chị Ninh là muốn được nuôi cả hai đứa con. Chị không yêu cầu anh Hà Văn Cu Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hà Văn Cu Đ cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai con, để cho con được ăn học.

Xét các cháu Hà Thị Trà M và Hà Thị Mỹ D hiện nay đã hơn 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Tại bản tự khai, các cháu đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ, cụ thể các cháu đã khai như sau:

Cháu Hà Thị Trà M khai: *“Cháu là con của mẹ Nguyễn Thị N và con của bà Hà Văn Cu Đ. Năm nay cháu học lớp 7, 13 tuổi trường THCS Phạm Hồng Thái. Nếu ba mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là cháu muốn sống chung với mẹ vì cháu thương mẹ nhiều hơn và ba cháu thường hay la mắng và đánh đập mẹ cháu nên cháu muốn được sống chung với mẹ”*.

Cháu Hà Thị Mỹ D khai: *“Cháu là con của mẹ Ninh và con của bố Hà Văn Cu Đ, năm nay cháu 9 tuổi, cháu học lớp 4 trường Tiểu học Bùi Dục. Nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ vì mẹ thương con nhiều hơn bố”*. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của các cháu Hà Thị Trà M và Hà Thị Mỹ D nên giao các cháu chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N và anh Hà Văn Cu Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Hà Văn Cu Đ.

Tuyên Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hà Văn Cu Đ.

2. Giao các cháu Hà Thị Trà M, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2006 và Hà Thị Mỹ D, sinh ngày 02 tháng 1 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình. Chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu anh Hà Văn Cu Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004273 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, chị Nguyễn Thị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn Cu Đ có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T, Long An (GCNKH số 52, QS 1/2005);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Rmah HThuyên